

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ VẤN ĐỀ

ĐỊNH NGHĨA KHÁI NIỆM TRONG CÁC TỪ ĐIỂN CÁC NGÀNH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

VÕ XUÂN TRANG

Công tác thuật ngữ của các ngành khoa học và kỹ thuật trong thời gian qua chủ yếu là xây dựng hệ thống thuật ngữ trong ngành mà trọng tâm là biên soạn từ điển thuật ngữ đối chiếu. Trong vòng 15 năm qua (Kể từ năm 1960 đến nay), công tác thuật ngữ đã đáp ứng được yêu cầu quan trọng của các ngành là có một hệ thống thuật ngữ để phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy học tập và tiếp thu các thành tựu khoa học và kỹ thuật tiên tiến của thế giới. Những mặt khác của công tác thuật ngữ như chỉnh lý, thống nhất và tiêu chuẩn hóa thuật ngữ, biên soạn từ điển định nghĩa, từ điển bách khoa, v.v... chúng ta chưa làm được nhiều (1).

Đây là những vấn đề trọng tâm của công tác thuật ngữ mà hiện nay các ngành đang tập trung giải quyết.

Biên soạn từ điển định nghĩa là một công tác mới mẻ đối với các ngành khoa học và kỹ thuật (2). Để tiến hành tốt công tác biên soạn từ điển định nghĩa, những người biên soạn phải nắm vững một số vấn đề về nguyên tắc, phương pháp, đặc biệt là vấn đề định nghĩa. Trong bài này, chúng tôi sẽ trình bày một số ý kiến xung quanh vấn đề định nghĩa khái niệm. Những vấn đề chúng tôi đề cập đến là:

- Các dạng định nghĩa;
- Các yêu cầu cơ bản đối với định nghĩa
- Đặc điểm của định nghĩa
- Một số vấn đề cần chú ý khi xây dựng định nghĩa.

1 — Các dạng định nghĩa

Định nghĩa là một thao tác logic nhằm chỉ ra các đặc trưng bản chất của khái niệm do thuật ngữ biểu thị. Tùy theo tính chất, đặc điểm của từng loại khái niệm mà mỗi loại khái niệm có thể có một dạng định nghĩa. Trong thực tế có những dạng định nghĩa chủ yếu sau đây:

1. Định nghĩa qua loại gần và sự khác biệt về giống.

Giữa các khái niệm có nhiều loại quan hệ nhưng có thể qui thành hai loại quan hệ chủ yếu: *quan hệ loại — giống* (tam giác/tam giác cân) và *quan hệ không loại — giống* (ô trực/trực). Trong quan hệ loại — giống, khái niệm có ngoại diên rộng hơn gọi là *khái niệm loại* (tam giác) còn khái niệm có ngoại diên hẹp hơn và ngoại diên đó hoàn toàn nằm trong ngoại diên của khái niệm gọi là *khái niệm giống* (tam giác cân). Quan hệ không loại — giống bao gồm các quan hệ còn lại như quan hệ giữa khái niệm chỉ toàn thể và khái niệm chỉ bộ phận hoặc ngược lại (ô trực/trực); quan hệ giữa các khái niệm đối lập (anôt/catôt, lôga/đôi lôga); quan hệ giữa khái niệm gốc và khái niệm dẫn suất (mét/décamét); v.v...

(1) Xem: Võ Xuân Trang, *Mấy vấn đề về công tác thuật ngữ của ta hiện nay*, Tạp chí Hoạt động khoa học, số 6-1973.

(2) Vừa qua, một cố gắng đáng kể là khoa Văn Trường đại học Sư phạm Vinh đã tổ chức biên soạn và in xong cuốn « Thuật ngữ nghiên cứu văn học ». Đây là cuốn từ điển định nghĩa chuyên ngành đầu tiên được biên soạn ở ta.

Dựa vào quan hệ loại—giống, logic học đã qui định một dạng định nghĩa cho phép chỉ ra một cách chính xác và nhanh chóng các đặc trưng của khái niệm được định nghĩa. Dạng định nghĩa đó, gọi là định nghĩa qua loại gần và sự khác biệt về giống. Định nghĩa qua loại gần và sự khác biệt về giống là một thao tác gồm hai bước:

a - Xác định khái niệm loại gần :

b - Xác định các đặc trưng khác biệt của khái niệm được định nghĩa với các khái niệm giống cùng phụ thuộc một khái niệm loại. Ví dụ: khi định nghĩa « *hình thang là một tứ giác lồi có hai cạnh song song* », chúng ta đã thực hiện đúng hai bước đó. Trong định nghĩa này, *tứ giác lồi* là khái niệm loại gần của *hình thang*, còn đặc trưng « *có hai cạnh song song* » là đặc trưng khác biệt về giống để phân biệt *hình thang* với các *tứ giác lồi* khác. Về dạng định nghĩa này, Lênin cũng đã chỉ rõ: định nghĩa một khái niệm tức là trước hết ghép nó vào một khái niệm rộng hơn. Bất cứ định nghĩa nào cũng bắt đầu từ sự ghép đó, nhưng không phải chỉ có thế mà thôi. Tiếp đó, cần phải vạch ra tính đặc thù của hiện tượng đó, vạch rõ cái phân biệt nó với hiện tượng hay quá trình khác chung hơn. Nếu chỉ vạch ra một mình cái chung thì chưa thể nêu lên được bản chất của phạm vi hiện tượng ấy. Nói đến hình vuông mà cho rằng đó là một hình chữ nhật, nghĩa là chỉ ghép nó vào một khái niệm rộng hơn thì chúng ta chưa thể giải thích được bản chất của hình vuông, mà muốn thế cần phải vạch ra tính đặc thù của loại hình chữ nhật đó có những cạnh bằng nhau. Cho nên, định nghĩa khái niệm, vạch rõ nội dung của nó, tức là chúng ta nói đến sự thống nhất của một cái gì chung và một cái gì đặc thù ở trong sự vật hay nhóm sự vật. Yêu cầu đó về việc vạch rõ nội dung của khái niệm áp dụng cho tất cả các khái niệm, trừ những phạm trù chung nhất mà ta định nghĩa bằng cách riêng» (1).

Nhân tố quan trọng trong bước thứ nhất là xác định cho được khái niệm loại gần tức là phải ghép khái niệm được định nghĩa vào khái niệm loại rộng hơn cho thích hợp. Trong quan hệ loại—giống, một khái niệm nào đó có thể đồng thời có nhiều khái niệm loại, trong đó có khái niệm loại ở gần và khái niệm loại ở xa. Ví dụ: xét quan hệ giữa khái niệm ở *bi* và các khái niệm ở *lần*, ở *trực* thì ở *lần*, ở *trực* đều là khái niệm loại của ở *bi*, nhưng trong đó, ở *lần* là khái niệm loại gần, còn ở *trực* là khái niệm loại xa

Khi định nghĩa, nếu không xác định đúng khái niệm loại gần mà lại dùng khái niệm loại xa để định nghĩa thì định nghĩa sẽ vi phạm qui tắc logic, tức là định nghĩa sẽ vượt cấp.

Mỗi một khái niệm có thể có nhiều đặc trưng. Khâu quan trọng nhất ở bước hai là xác định được các đặc trưng khác biệt về giống để định tính được khái niệm. Thực tế có những định nghĩa liệt kê ra rất nhiều đặc trưng nhưng vẫn không phải là định nghĩa tốt vì nó vẫn chưa định tính được khái niệm, tức là chưa giúp chúng ta phân biệt được khái niệm này với khái niệm khác. Sau đây là vài ví dụ :

— Bạc : kim loại màu trắng sáng, mềm, dễ dát mỏng, khó rỉ, thường dùng để mạ, làm đồ trang sức, có một số hợp chất dùng trong nhiếp ảnh.

— Platin : kim loại màu trắng xám, nặng, dễ kéo sợi và dát mỏng, rất khó nóng chảy, không rỉ, dùng làm bộ phận nhỏ trong máy chính xác, đồ trang sức.

— Heli : khí trơ, không màu, rất nhẹ, dùng để bơm vào khí cầu, bóng đèn điện.

— Xenon : khí trơ không màu, dùng để nạp vào bóng đèn điện.

Qua các định nghĩa trên đây, chúng ta chưa thấy rõ được sự khác nhau cơ bản giữa *bạc* và *platin*, giữa *heli* và *xenon* là ở chỗ nào.

Do đó, vấn đề quan trọng đặt ra trong khi định nghĩa là phải tiến hành phân tích, lựa chọn các đặc trưng. Đặc trưng đưa vào định nghĩa trước hết phải là các đặc trưng vừa cần nhưng đồng thời cũng vừa đủ, tức là những đặc trưng, một mặt giúp ta thấy rõ mối quan hệ giữa khái niệm, và mặt khác có tác dụng phân biệt khái niệm khác. Như vậy, một định nghĩa tốt có thể không cần nêu nhiều đặc trưng (nhất là những đặc trưng không cần và không đủ) mà có thể chỉ nêu hai loại đặc trưng : đặc trưng chung (khái niệm loại gần) và đặc trưng riêng (đặc trưng khác biệt về giống). Loại đặc trưng riêng chỉ nên chọn những đặc trưng bản chất, tức là đặc trưng có ở khái niệm này mà không có ở khái niệm khác. Những định nghĩa kiểu như : « *Hình thang là một tứ giác lồi có hai cạnh song song ; hình thoi là một tứ giác lồi có bốn cạnh bằng nhau ; hình vuông là hình chữ nhật có bốn cạnh bằng nhau ; v.v...* » đều là những định nghĩa dựa vào các đặc trưng cần và đủ. Những đặc trưng « *đập vào mắt* », ngẫu nhiên (như cả chân mắt đỏ) không phải

(1) Những phạm trù của phép biện chứng duy vật. Nhà xuất bản Sự thật 1960, trang 429.

là đặc trưng bản chất, đều không nên đưa vào định nghĩa. Đối với từ điển ngữ văn thì loại đặc trưng này nhiều khi lại rất cần thiết.

Định nghĩa qua loại gần và sự khác biệt về giống thường phải đưa vào bảng phân loại khái niệm (1). Bảng phân loại sẽ giúp chúng ta xác định được khái niệm loại gần một cách dễ dàng và chính xác (như trường hợp *ô bi*, *ô lạp*, *ô trục*). Bảng phân loại cũng cho chúng ta thấy rõ những khái niệm giống nào cũng phụ thuộc một khái niệm loại, về nguyên tắc, phải được định nghĩa theo một mẫu thống nhất. *Tam giác đều*, *tam giác cân*, *tam giác vuông* đều là khái niệm giống cũng phụ thuộc khái niệm loại *tam giác*, nên đều được định nghĩa như sau :

— Tam giác cân : tam giác có hai cạnh bằng nhau.

— Tam giác đều : tam giác có ba cạnh bằng nhau.

— Tam giác vuông : tam giác có một góc vuông.

2. Định nghĩa qua quan hệ

Định nghĩa qua loại gần và sự khác biệt về giống thường áp dụng đối với các khái niệm có quan hệ loại-giống. Đối với các khái niệm không có khái niệm loại rộng hơn thì phải áp dụng cách định nghĩa khác. Đối với loại khái niệm này thì có thể định nghĩa qua quan hệ với các khái niệm khác. Định nghĩa *“khí là một trong ba thể của vật chất, nhẹ, trong suốt...”* cũng là dạng định nghĩa qua quan hệ. Những định nghĩa kiểu như : *“tự do là tất yếu được nhận thức”*, *“ngẫu nhiên là hình thức xuất hiện của tất nhiên”* đều là định nghĩa qua quan hệ. Tiêu biểu cho dạng định nghĩa này là định nghĩa của Lênin về khái niệm vật chất : *“vật chất là một phạm trù triết học dùng để biểu thị thực tại khách quan mà con người biết được là do cảm giác ; cảm giác chép lại, chụp ảnh lại, phản ánh lại thực tại đó, nhưng sự tồn tại của thực tại đó không phụ thuộc vào cảm giác”* (1). *Vật chất* là một khái niệm rất rộng, đối với nó không thể chọn được khái niệm loại rộng hơn. Do đó phải định nghĩa qua quan hệ với các khái niệm *cảm giác*, *phản ánh*, *thực tại*, v.v...

3. Định nghĩa theo nguồn gốc.

Định nghĩa theo nguồn gốc cũng là một dạng định nghĩa qua lại gần và sự khác biệt về giống, nhưng chỉ khác nhau ở chỗ, đặc trưng khác biệt về giống thường là đặc trưng chỉ về nguồn gốc phát sinh của các đối tượng.

Ví dụ : định nghĩa *“hình tròn là một đường cong khép kín tạo nên bằng cách quay một đoạn thẳng AB xung quanh một điểm bất động A trên mặt phẳng”* là định nghĩa theo nguồn gốc. Trong hóa học, các hóa chất thường được định nghĩa bằng cách chỉ ra thành phần cấu tạo hoặc phương pháp tổng hợp điều chế các chất đó. Sau đây là vài thí dụ :

— Nước : chất lỏng trong suốt không màu, không mùi vị, do oxy và hiđro hóa hợp tạo thành.

— Nước cất : nước tinh khiết cất từ nước thường dùng để pha chế được phẩm, hóa chất.

Trong sinh vật học cũng thường áp dụng dạng định nghĩa này.

4. Định nghĩa trực tiếp

Khác với định nghĩa qua loại gần và sự khác biệt về giống, đặc trưng dùng để định nghĩa liên quan đến nội hàm của khái niệm, trong định nghĩa trực tiếp, đặc trưng dùng để định nghĩa lại liên quan đến ngoại diên của khái niệm. Về thực chất, dạng định nghĩa này không nêu ra các đặc trưng của khái niệm mà lại nêu ra các đối tượng tạo thành ngoại diên của khái niệm đó. Khi các đối tượng tạo thành ngoại diên của khái niệm có thể liệt kê ra được, gọi tên được thì dùng cách định nghĩa trực tiếp. Ví dụ : *“Lực lượng sản xuất là người, công cụ lao động và cách thức lao động”* ; *“kim loại quý là tên gọi chung các kim loại như vàng, bạc, platin v.v...”*.

Định nghĩa trực tiếp thường chỉ áp dụng đối với các khái niệm có ngoại diên hẹp và chủ yếu là dùng trong các từ điển có tính chất phổ thông. Từ điển thuật ngữ nói chung ít áp dụng dạng định nghĩa này.

5. Định nghĩa duy danh (định nghĩa theo tên gọi).

Định nghĩa duy danh là một thủ pháp vạch ra nội hàm khái niệm thông qua việc giải thích thuật ngữ, tên gọi bằng từ đồng nghĩa hoặc các đặc điểm về mặt từ nguyên. Những định nghĩa sau đây thuộc dạng định nghĩa duy danh :

— Ái quốc : yêu nước

— Từ vựng học : là do thuật ngữ tiếng Pháp lexicologie có gốc tiếng Hi-lạp gồm hai từ *lexik* và *logos*...

Dạng định nghĩa này thường thấy trong các giáo trình, các sách giáo khoa và trong từ điển có tính chất tài nguyên.

(1) Võ Xuân Trang. Về vấn đề xây dựng thuật ngữ của các ngành khoa học và kĩ thuật. Tạp chí hoạt động khoa học, số 11-1973.

(1) Lênin toàn tập, tập 18, trang 131 (bản tiếng Nga).

Trên đây là một số dạng định nghĩa thường gặp, trong đó dạng định nghĩa qua lại gần và sự khác biệt về giống là dạng cơ bản nhất vì các dạng định nghĩa khác đều có thể qui về dạng định nghĩa này.

II — Các yêu cầu cơ bản đối với định nghĩa.

Để định nghĩa được chính xác, khi xây dựng định nghĩa cần chú ý bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Định nghĩa phải có tính tương xứng giữa phần được định nghĩa và phần định nghĩa. Cấu trúc của một định nghĩa bao giờ cũng gồm có hai phần: phần được định nghĩa (khái niệm cần định nghĩa) và phần định nghĩa (các khái niệm dùng để định nghĩa). Tính tương xứng của định nghĩa cũng là tính chính xác của định nghĩa. Định nghĩa nghĩa chính xác là định nghĩa giới hạn được một cách rõ ràng khái niệm được định nghĩa với các khái niệm khác. Định nghĩa quá rộng hoặc quá hẹp đều vi phạm yêu cầu này. Để kiểm tra một định nghĩa nào đó có bảo đảm tính tương xứng hay không, người ta thường dùng cách đảo ngược vị trí của phần được định nghĩa và phần định nghĩa. Nếu sau khi đảo ngược vị trí mà giữa chúng không phát sinh mâu thuẫn thì đó là định nghĩa chính xác, còn nếu trái lại thì đó là định nghĩa không chính xác. Ví dụ: định nghĩa « hình thang là tứ giác lồi có hai cạnh song song » là định nghĩa chính xác vì khi đảo ngược vị trí: *tứ giác lồi có hai cạnh song song là hình thang* vẫn không có gì mâu thuẫn. Còn định nghĩa « *tứ giác là hình có 4 góc đều vuông* » là định nghĩa không chính xác, vì khi đảo ngược vị trí « *hình có 4 góc đều vuông là tứ giác* » sẽ phát sinh mâu thuẫn, vì không phải tất cả các tứ giác đều có 4 góc vuông mà chỉ có hình chữ nhật, hình vuông mới thỏa mãn định nghĩa trên.

2. Khái niệm loại dùng để định nghĩa không được vượt cấp

Khi định nghĩa các khái niệm có quan hệ loại—giống, nếu không dùng khái niệm loại gần mà dùng khái niệm loại xa thì sẽ vi phạm yêu cầu này. Ví dụ: định nghĩa *ô bi* qua khái niệm *ô trục*, định nghĩa *sắt* qua khái niệm *kim loại* đều là định nghĩa vượt cấp. Theo bảng phân loại thì khái niệm loại gần của *ô bi* là *ô lăn*, và khái niệm loại gần của *sắt* là *kim loại đen*. Trường hợp nếu khái niệm loại gần không có tác dụng vạch rõ nội hàm của khái niệm được định nghĩa thì có thể dùng khái niệm loại xa. Ví dụ: chúng ta có thể định nghĩa *brôm* qua khái niệm *chất lỏng*, *clo* qua

khái niệm *chất khí*, *iốt* qua khái niệm *chất rắn* mà không qua khái niệm loại gần của *brôm clo*, *iốt* là *halôgen*. Nhưng những trường hợp này chỉ nên coi là ngoại lệ, không nên áp dụng rộng rãi.

3. Đặc trưng khác biệt phải về giống là đặc trưng bản chất, tiêu biểu của khái niệm được định nghĩa. Các định nghĩa về tam giác cân, tam giác đều, tam giác vuông, đã nêu ở trên là những định nghĩa thỏa mãn yêu cầu này. Nếu định nghĩa không nêu ra được các đặc trưng bản chất, tiêu biểu thì dù có đưa vào định nghĩa bao nhiêu đặc trưng cũng không định tính được khái niệm. (trường hợp các định nghĩa *bạc*, *platin* đã dẫn ra ở trên).

4. Định nghĩa không được có tính phủ định.

Định nghĩa là nhằm vạch ra nội hàm của khái niệm, do đó không thể có tính phủ định. Định nghĩa có tính phủ định sẽ chỉ ra cái không phải là khái niệm đó chứ không phải chỉ ra khái niệm đó là gì. Do đó, nó không giúp ích gì cho việc hiểu biết về khái niệm được định nghĩa. Ví dụ: định nghĩa « *hình thoi không phải là hình vuông* » là định nghĩa có tính phủ định. Tuy nhiên, trong trường hợp khái niệm được định nghĩa khó tìm được đặc trưng bản chất và nêu đặc trưng phủ định lại có tác dụng phân biệt thì vẫn có thể dùng định nghĩa có tính phủ định. Ví dụ: định nghĩa « *kim loại thuần là kim loại không chứa nguyên tố hợp kim hóa* ».

5. Định nghĩa phải rõ ràng và không được vòng quanh

Định nghĩa rõ ràng là định nghĩa dựa vào các khái niệm đã biết. Định nghĩa không rõ ràng là định nghĩa dựa vào các khái niệm chưa biết mà bản thân nó cần phải định nghĩa. Vi phạm yêu cầu này sẽ sa vào lối định nghĩa vòng quanh. Ví dụ: *lipit* được định nghĩa là *tên gọi chung các loại chất béo*; còn *chất béo* lại được định nghĩa là *tên gọi chung những chất lỏng hoặc rắn có tính chất như dầu, mỡ, bơ*. Cuối cùng, *chất béo* là gì, *lipit* là gì chúng ta cũng không hiểu được.

Định nghĩa một khái niệm chưa biết qua một khái niệm chưa biết là điều khó tránh khỏi, nhưng điều cần tránh là khi định nghĩa các khái niệm có liên quan với nhau không nêu định nghĩa khái niệm A qua khái niệm B và định nghĩa khái niệm B qua khái niệm A như định nghĩa *lượng biến thiên* qua *lượng tuần hoàn* và định nghĩa *lượng tuần hoàn* qua *lượng biến thiên*, v.v..

6. Định nghĩa không được lập hoặc thừa

Định nghĩa lập là định nghĩa mặt khái niệm nào đó qua chính bản thân nó. Ở đây muốn

nói đến sự trùng lặp về từ ngữ chứ không phải trùng lặp về nội dung. Những định nghĩa kiểu như ổ dũa trụ là ổ có dũa hình trụ; nhà siêu hình học là nhà nghiên cứu theo quan điểm siêu hình học; v.v... đều là những định nghĩa lặp.

Định nghĩa thừa là định nghĩa trong đó có sự trùng lặp về nội dung. Ví dụ, định nghĩa: «*thể tích riêng là tỉ số thể tích vật thể với khối lượng của nó. Tức là đại lượng trái với tỉ trọng*». Trong định nghĩa này đoạn «*Đại lượng trái với tỉ trọng*» là thừa, và thực chất đó cũng là một định nghĩa.

Trên đây là một số yêu cầu mà mỗi định nghĩa phải thỏa mãn. Vi phạm một trong những yêu cầu đó thì định nghĩa sẽ không chính xác.

III — Một vài đặc điểm của định nghĩa

1. Tính đa dạng của định nghĩa

Tùy theo tính chất, mục đích của tài liệu mà một khái niệm có thể có nhiều cách định nghĩa khác nhau. Cùng một khái niệm nhưng sách giáo khoa phổ thông định nghĩa khác giáo trình đại học; từ điển ngữ văn định nghĩa khác từ điển thuật ngữ. Mỗi định nghĩa như vậy đều có thể dựa vào một số khái niệm khác nhau để định nghĩa. Cùng một khái niệm nhưng ở mỗi giai đoạn phát triển khác nhau của khoa học cũng có thể có những định nghĩa khác nhau (khái niệm *nguyên tử* chẳng hạn).

2. Tính tương đối và tính qui ước của định nghĩa.

Đối tượng của hiện thực khách quan mà chúng ta nghiên cứu dưới dạng khái niệm có rất nhiều đặc trưng, nhiều quan hệ. Do đó, mỗi định nghĩa dù dài bao nhiêu cũng khó liệt kê ra hết các đặc trưng, các quan hệ tồn tại trong hiện thực. Như trên đã nói, định nghĩa chỉ có thể nêu ra một số đặc trưng bản chất nhất của đối tượng mà thôi. Vì vậy, định nghĩa chỉ có thể giúp chúng ta hiểu một phần về đối tượng, chứ không thể thay thế việc nghiên cứu đối tượng đó. Về điểm này, sau khi định nghĩa khái niệm «*sự sống*», Engen đã giải thích như sau: «*Định nghĩa của chúng tôi về sự sống tất nhiên còn rất thiếu sót, vì nó còn xa mới có thể bao gồm được tất cả những hiện tượng của sự sống, mà trái lại, chỉ bó hẹp vào những hiện tượng chung nhất và đơn giản nhất trong đó mà thôi. Đứng về mặt khoa học mà nói thì tất cả các định nghĩa đều chỉ có giá trị rất nhỏ. Muốn hiểu biết sự sống là gì một cách thấu triệt, chúng ta phải khảo sát tất cả các hình thức biểu hiện của sự sống, từ hình thức thấp nhất cho tới hình thức cao nhất. Tuy vậy, đối với sự vận dụng hàng*

ngày thì những định nghĩa như trên lại rất tiện lợi và thường khi không có nó không được; những định nghĩa ấy không thể có hại, miễn là người ta đừng quên những thiếu sót mà những định nghĩa đó không sao tránh khỏi»⁽¹⁾.

Lênin khi định nghĩa «*Chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn độc quyền của chủ nghĩa tư bản*» cũng đã viết như sau: «*Song những định nghĩa vẫn tất quá, mặc dù có tiện lợi vì tóm tắt được cái căn bản nhưng vẫn không đầy đủ được, vì còn phải rút ra những nét rất quan trọng của hiện tượng cần được định nghĩa. Cho nên, nếu chúng ta không quên rằng tất cả các định nghĩa nói chung đều có tính chất qui ước và tương đối và không bao giờ có thể bao quát được những mối liên hệ rất nhiều của hiện tượng đang phát triển mạnh thì chúng ta phải cho chủ nghĩa đế quốc một định nghĩa bao gồm 5 tính chất cơ bản này...*».

Qua i kiến của Engen và Lênin, chúng ta càng thấy rõ tính tương đối và tính qui ước của định nghĩa. Định nghĩa chỉ có tính đúng tương đối, một phần quan trọng là do sự hạn chế về mặt nhận thức của con người. Định nghĩa là một hình thức đúc kết những hiểu biết của con người về các đối tượng. Sự hiểu biết của con người không dừng ở một chỗ mà luôn luôn phát triển, do đó, định nghĩa cũng phải thay đổi theo sự hiểu biết của con người. Nhưng cũng cần thấy tính đúng tương đối và tính đúng tuyệt đối của các định nghĩa. Đứng về toàn bộ quá trình phát triển của khoa học mà xét thì các định nghĩa đều có tính đúng tương đối, nhưng nếu xét trong một giai đoạn phát triển nhất định của khoa học thì tính đúng đắn của định nghĩa lại mang i nghĩa tuyệt đối.

IV — Một số vấn đề cần chú ý khi xây dựng các định nghĩa

Xây dựng các mẫu định nghĩa là một khâu quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng từ điển và tốc độ biên soạn. Trên cơ sở các mẫu, người biên soạn và người duyệt mới tiến hành được một cách thuận lợi và nhanh chóng. Định nghĩa theo mẫu cũng sẽ góp phần tăng thêm tính thống nhất của từ điển. Việc xác định và xây dựng các mẫu định nghĩa, trong thực tế không khó, nhưng việc áp dụng các mẫu vào những trường hợp cụ thể thì có thể gặp nhiều khó khăn, vì giữa các khái niệm có nhiều quan hệ chằng chéo lên nhau. Việc xác định các mẫu định nghĩa

(1) Engen, *Chống Duy-rinh*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 144 — 145.

một phần cũng phụ thuộc vào bảng phân loại khái niệm. Về nguyên tắc, những khái niệm thuộc cùng một bậc phân loại phải có một mẫu định nghĩa như nhau, chẳng hạn trong toán học, các khái niệm như *tam giác cân*, *tam giác đều*, *tam giác vuông* thuộc cùng một mẫu định nghĩa; trong hóa học, các khái niệm thuộc nhóm *khí trơ* như *heli*, *argon*, *neon*, v.v... cũng có cùng một mẫu định nghĩa. Mẫu định nghĩa sẽ qui định rõ từ mở đầu định nghĩa và thứ tự các đặc trưng nêu ra trong định nghĩa.

2. Vấn đề định nghĩa theo nhóm khái niệm.

Xây dựng các mẫu định nghĩa là để phục vụ cho việc định nghĩa theo nhóm khái niệm. Định nghĩa theo nhóm sẽ giúp chúng ta thấy rõ hơn các mối quan hệ chặt chẽ giữa các khái niệm, do đó có thể tránh được những sự trùng lặp không cần thiết và tránh được những mâu thuẫn có thể có trong các định nghĩa. Định nghĩa theo nhóm cũng dựa vào bảng phân loại khái niệm. Dựa vào bảng phân loại, chúng ta dễ dàng xác định được các nhóm khái niệm. Trong mỗi nhóm khái niệm bao giờ cũng

định nghĩa khái niệm gốc trước để làm cơ sở cho việc định nghĩa khái niệm khác. Khái niệm gốc cũng có thể là khái niệm loại. Chẳng hạn, nhóm khái niệm *nhạc khí* trong âm nhạc bao gồm các khái niệm như *nhạc khí kéo*, *nhạc khí gõ*, *nhạc khí thổi*, *violon*, *sáo*, *trống*, v.v... Đối với nhóm khái niệm này, trước hết phải định nghĩa khái niệm *nhạc khí*, sau đó mới định nghĩa các khái niệm *nhạc khí kéo*, *nhạc khí thổi*, *nhạc khí gõ* và cuối cùng mới định nghĩa các khái niệm *violon*, *sáo*, *trống*, v.v.

Khi biên soạn từ điển thuật ngữ, nói chung, nên cố gắng áp dụng phương pháp định nghĩa theo nhóm khái niệm, trừ những khái niệm không qui về được các nhóm mới định nghĩa riêng lẻ.

Đối với từ điển định nghĩa của các ngành khoa học và kĩ thuật thì khâu định nghĩa là khâu quan trọng nhất và cũng là khâu khó khăn nhất. Việc nắm vững các dạng định nghĩa, các yêu cầu cơ bản đối với định nghĩa, đặc điểm của định nghĩa v.v... là rất cần thiết đối với người biên soạn.

MẤY VẤN ĐỀ VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CỦA NHÀ MÁY BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG-ĐÔNG

NGUYỄN CHÍ VU

Nhà máy Bóng đèn phích nước Rạng-đông bước vào hoạt động từ năm 1962, sản xuất các linh kiện, phụ kiện để lắp ráp các loại bóng đèn dây tóc, đèn huỳnh quang và phích nước hoàn chỉnh. Đảng ủy nhà máy phải có những cơ sở chuyên sản xuất hàng loạt các linh kiện, phụ kiện, nhưng vì qui mô sản xuất nhỏ nên trang bị kĩ thuật phần lớn là thủ công và nửa cơ giới. Năng lực sản xuất từ khâu đầu đến khâu cuối không đồng bộ, không ổn định. Ngoài các cơ sở sản xuất hiện có, nhà máy khó biết dựa vào đâu để tạo cho mình thể sản xuất ổn định và hiệu quả kinh tế cao, mà đặc điểm các sản phẩm của nhà máy là sản xuất hàng thủ công, chất lượng sản phẩm càng dao động, tỉ lệ sản xuất hợp cách càng thấp.

Chất lượng sản phẩm là bằng chứng biểu hiện tập trung nhất trình độ quản lí kinh tế kĩ thuật, trình độ khoa học kĩ thuật của một xí nghiệp, thậm chí mỗi ngành của một nước. Đối với nhà máy Bóng đèn phích nước, vấn đề chất lượng được nêu ở vị trí trọng yếu. Hoàn thành kế hoạch Nhà nước phải gắn chặt với việc giải quyết tốt chất lượng.

Nhà máy chúng tôi nhìn vấn đề chất lượng sản phẩm ở cả hai phía:

— Về phía người tiêu dùng, chất lượng sản phẩm được hiểu là thành phẩm đưa ra tiêu dùng tốt hay xấu, đạt các tiêu chuẩn kĩ thuật như thế nào. Ví dụ: bóng đèn đạt tuổi thọ bao nhiêu giờ, ánh sáng đạt được bao nhiêu